



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc
Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099
Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT220609

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản thủy sản
 Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: ngày 06-08/6/2022

Ngày nhận mẫu: ngày 09/6/2022

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: ngày 09/6/2022

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp			
1.	Hói Lỗ	Hói Lỗ - Kỳ Ninh	NC Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thư	Ngọn Rào - Kỳ Thư	NC Kỳ Thư
3.	Cắm Lộc	Bãi Rào - Cắm Lộc	NC Cắm Lộc
4.	Thạch Hạ	Đòng Ghè - Thạch Hạ	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Đan Trường	Nước cấp Đan Trường
6.	Thạch Châu	Thạch Châu	Nước cấp Thạch Châu
7.	Đình Bàn	Đình Bàn	Nước cấp Đình Bàn

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Ao nuôi			
8.	Lê Văn Thao	Kỳ Ninh	AN Kỳ Ninh
9.	Võ Xuân Dương	Kỳ Thư	AN Kỳ Thư
10.	Lê Xuân Khặng	Cắm Lộc	AN Cắm Lộc
11.	Đặng Xuân Hà	Thạch Hạ	Ao nuôi Thạch Hạ
12.	Trần Vũ Quốc Phương	Đan Trường	Ao nuôi Đan Trường
13.	Phạm Văn Nhân	Thạch Châu	Ao nuôi Thạch Châu
14.	Bùi Quang Liện	Đỉnh Bàn	Ao nuôi Đỉnh Bàn

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
N-NH ₄ ⁺	HD.H.01	COD	SMEWW5220 C:2017
TSS	SMEWW 2540D:2017	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017		

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Nguồn cấp										
NC Kỳ Ninh	30	7,5	4	40	20	89,5	0,205	3,60	0,000	30,5
NC Kỳ Thu	32	7,5	5	45	4	71,6	0,463	4,16	0,000	15,0
NC Cẩm Lộc	30	7,8	4	35	10	71,6	0,218	4,32	0,000	13,0
Nước cấp Thạch Hạ	29	8,8	5	30	20	89,5	0,107	3,60	0,000	24,5
Nước cấp Đan Trường	29	8	2	35	17	71,0	0,283	2,88	0,001	28,5
Nước cấp Thạch Châu	30	8,5	4	35	11	107,4	0,315	3,68	0,000	30,5
Nước cấp Đinh Bàn	29	8	4	30	26	89,5	0,173	3,04	0,000	41,0
Ao nuôi										
AN Kỳ Ninh	30	8	4	30	19	125,5	0,429	3,60	0,000	20,7
AN Kỳ Thu	32	7,8	4,5	35	4	89,5	0,295	4,16	0,001	23,3
AN Cẩm Lộc	30	8,2	4,5	22	10	125,5	0,398	5,60	0,003	77,3
Ao nuôi Thạch Hạ	28	8,5	3,5	25	15	108,0	0,167	2,88	0,000	29,5
Ao nuôi Đan Trường	30	7,5	4	30	20	89,5	0,365	5,28	0,006	66,7
Ao nuôi Thạch Châu	30	8,5	5	30	11	161,0	0,185	3,52	0,000	18,5
Ao nuôi Đinh Bàn	28	8,5	4	25	23	161,0	0,267	5,76	0,001	76,0
Quy chuẩn	18-33 ^b	7-9 ^b	≥3,5 ^b	20-50 ^b	5-35 ^b	60-180 ^b	<0,3 ^c	<10 ^c	<0,05 ^b	50 ^a

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
tham chiếu										

Ghi chú:

- **Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Dấu (*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (***):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc		Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Tảo độc (tế bào/lít)
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	227	3.173	0	0	0	3.400	KPH
	Ao nuôi	87	173	0	0	0	260	KPH
Kỳ Thư	Nguồn cấp	0	907	0	0	0	907	KPH
	Ao nuôi	1.956	427	142	0	0	2.525	KPH
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	140	47	0	0	0	187	KPH
	Ao nuôi	700	1.260	0	140	0	966	KPH
Thạch Hạ	Nguồn cấp	0	89	5.333	0	0	5.422	KPH
	Ao nuôi	180	540	0	0	0	720	KPH

Điểm quan trắc		Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Tảo độc (tế bào/lít)
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Đan Trường	Nguồn cấp	0	117	0	0	0	117	KPH
	Ao nuôi	160	240	0	80	0	480	KPH
Thạch Châu	Nguồn cấp	67	533	0	0	0	600	KPH
	Ao nuôi	1.680	5.320	0	0	0	700	KPH
Đỉnh Bàn	Nguồn cấp	93	187	0	0	0	280	KPH
	Ao nuôi	1.027	467	0	0	0	1.494	KPH

Ghi chú:

- Ký hiệu (KPH): Không phát hiện.

3. NHẬN XÉT

- **Nguồn cấp:** Hàm lượng ô xy hòa tan (DO) thấp tại điểm nguồn cấp Hói Lỗ - Kỳ Ninh và độ mặn thấp tại điểm nguồn cấp Kỳ Thư. Hàm lượng N-NH₄⁺ các điểm Nguồn cấp Hói Lỗ - Kỳ Ninh và Thạch Châu cao hơn giới hạn cho phép lần lượt 1,54 và 1,05 lần. Mật độ tảo tại các điểm quan trắc đều thấp, dao động từ 117 – 5.422 tế bào/lít. Nguồn cấp tại Thạch Hạ có mật độ tảo cao nhất (5.422 tế bào/lít), kế đến là Kỳ Ninh (3.400 tế bào/lít), Kỳ Thư (907 tế bào/lít), Thạch Châu (600 tế bào/lít), Đỉnh Bàn (280 tế bào/lít), Cẩm Lộc (187 tế bào/lít) và điểm nguồn cấp tại Đan Trường có mật độ thấp nhất (117 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại các điểm quan trắc.

- **Ao nuôi:** Các chỉ tiêu phân tích gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ kiềm, COD và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép. Độ mặn tại ao nuôi hộ ông Võ Xuân Dương thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT. Hàm lượng N-NH₄⁺ tại các ao nuôi Lê Văn Thao, Lê Xuân Khặng, Trần Vũ Quốc Phương cao vượt giới hạn cho phép từ 1,21 đến 1,43 lần. Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ở 03 điểm quan trắc: Lê Xuân Khặng, Trần Vũ Quốc Phương và Bùi Quang Liên có giá trị cao hơn giới hạn cho phép 1,33 - 1,55 lần. Mật độ tảo tại các ao nuôi đều thấp, dao động từ 260 – 2.525 tế bào/lít. Ao nuôi tại Kỳ Thư có mật độ tảo cao nhất (2.525 tế bào/lít), kế đến là Đỉnh Bàn (1.494 tế bào/lít), Cẩm Lộc (966 tế bào/lít), Thạch Hạ (720 tế bào/lít), Thạch Châu (7000 tế bào/lít), Đan Trường (480 tế bào/lít), ao nuôi tại Kỳ Ninh có mật độ thấp nhất (260 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại các điểm quan trắc.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối với nguồn cấp có độ mặn thấp và N-NH₄⁺ cao cần lấy nước vào ao chứa xử lý trước khi cấp vào vùng nuôi.

- Đối với ao nuôi có hàm lượng N-NH₄⁺ và TSS cao cần tăng cường quạt khí, thường xuyên theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh lượng thức ăn tránh dư thừa gây ô nhiễm môi trường nước. Bổ sung nước sạch có độ mặn phù hợp để cải thiện chất lượng nước trong ao, sử dụng hóa chất diệt khuẩn và chế phẩm sinh học theo hướng dẫn trên bao bì sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng môi trường ao nuôi.

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 06 năm 2022

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình